

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 169/2010/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2009

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương ban hành kèm theo Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Báo cáo số 189/BC-UBND, ngày 08 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2009; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-KTNS ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2009 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.060.337 triệu đồng (Một nghìn không trăm sáu mươi tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu đồng).

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 3.409.371 triệu đồng (Ba nghìn bốn trăm lẻ chín tỷ, ba trăm bảy mươi một triệu đồng).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 3.236.970 triệu đồng (Ba nghìn hai trăm ba mươi sáu tỷ, chín trăm bảy mươi triệu đồng).

4. Kết dư ngân sách địa phương: 172.401 triệu đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, bốn trăm lẻ một triệu đồng).

(Kèm theo các phụ lục số 01, 02 và 03)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện các thủ tục báo cáo với Chính phủ và Bộ Tài chính theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa V, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Đào Tấn Lộc

Phụ lục số 01
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009
(Kèm theo Nghị quyết số 169/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010
của HĐND tỉnh Phú Yên)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		QUYẾT TOÁN	So sánh QT/DT(%)	
		Trung ương giao	HĐND giao		QT/DT TW giao	QT/DT HĐND
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	789.500	1.010.000	1.060.337	134,30	104,98
1	Thu trong cân đối ngân sách	789.500	865.900	852.299	107,95	98,43
	- Thu nội địa	745.500	814.900	809.102	108,53	99,29
	- Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	44.000	51.000	43.197	98,18	84,70
2	Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách		144.100	208.038		144,37
B	Thu ngân sách địa phương được hưởng	1.784.830	2.058.990	3.409.371	191,02	165,58
1	Thu ngân sách trên địa bàn	742.830	953.880	984.757	132,57	95,97
	- Thu trong cân đối ngân sách	742.830	809.780	777.176	104,62	95,97
	+ Các khoản thu NSĐP hưởng 100%		301.098	272.416		90,47
	+ Các khoản thu NSĐP hưởng theo tỷ lệ %		508.682	504.760		99,23
	- Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách		144.100	207.581		144,05
2	Thu viện trợ			1.268		
3	Thu kết dư ngân sách			172.942		
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	29.033	72.143	608.058	2.094,37	842,85
5	Thu huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN		20.000	60.000		300,00
6	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.012.967	1.012.967	1.582.346	156,21	156,21
	- Bổ sung cân đối	507.985	507.985	694.857	136,79	136,79
	- Bổ sung có mục tiêu	504.982	504.982	887.489	175,75	175,75
	+ Vốn XDCB ngoài nước	89.000	89.000	41.341	46,45	46,45
C	Chi ngân sách địa phương	1.784.830	2.058.990	3.236.970	181,36	157,21

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		QUYẾT TOÁN	So sánh QT/DT(%)	
		Trung ương giao	HĐND giao		QT/DT TW giao	QT/DT HĐND
C1	Chi trong cân đối ngân sách	1.784.830	1.914.890	3.074.940	172,28	160,58
1	Chi đầu tư phát triển	535.654	599.674	696.722	130,07	116,18
	<i>Trong đó: Chi trả nợ gốc và lãi vay</i>		40.300	40.268		99,92
2	Chi thường xuyên	1.070.514	1.195.112	1.685.472	157,45	141,03
3	Chi sự nghiệp CTMTQG	124.702	66.144			0,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ	1.000	1.000	1.000		100,00
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			691.746		
6	Dự phòng	52.960	52.960			0,00
C2	Các khoản để lại chi quản lý qua ngân sách		144.100	162.030		112,44
D	Kết dư ngân sách: (B - C)			172.401		
	Trong đó:					
1	Kết dư ngân sách tỉnh			39.496		
2	Kết dư ngân sách huyện			99.295		
3	Kết dư ngân sách xã			33.610		

Phụ lục số 02
QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2009
(Kèm theo Nghị quyết số 169/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010
của HĐND tỉnh Phú Yên)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số quyết toán
Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn	1.060.337
A. Thu trong cân đối ngân sách	852.299
I. Tổng thu nội địa	809.102
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	47.534
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	70.632
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	37.893
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	264.677
5. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	340
6. Thuế thu nhập cá nhân	22.799
7. Thu lệ phí trước bạ	29.459
8. Thu phí xăng dầu	92.407
9. Thu phí và lệ phí	39.582
10. Thu thuế nhà đất	9.486
11. Thu thuế chuyển quyền sử dụng đất	601
12. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	7.350
13. Thu tiền sử dụng đất	143.726
14. Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	1.788
15. Thu cố định tại xã	20.101
16. Thu khác ngân sách	20.727
II. Thu thuế xuất nhập khẩu	43.197
B. Các khoản thu để lại quản lý chi qua ngân sách	208.038